

**CÔNG TY TNHH TM&DV SÔNG HỒNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM&DV SÔNG HỒNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG HONG TM&DV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SH CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400766353

**3. Ngày thành lập:** 03/07/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu Vườn Hoa, Thị trấn Lục Nam, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0904 395 455

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510     |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>( Không bao gồm kinh doanh vàng miếng )                                                                                          | 4662     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>( Không bao gồm kinh doanh thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp )                              | 4669     |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741     |
| 6.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742     |
| 7.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 8.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 9.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761     |
| 10. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771     |
| 11. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630     |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100     |
| 13. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220     |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290     |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311     |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330        |
| 20. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4513        |
| 21. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4543(Chính) |
| 22. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4620        |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4649        |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651        |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652        |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4653        |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659        |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 30. | Hoạt động cấp tín dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6492        |
| 31. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7710        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ THỊ NỘI

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/07/1955

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 010184395

Ngày cấp: 15/01/2004

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 121 Linh Quang, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 121 Linh Quang, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Thời gian đăng từ ngày 03/07/2015 đến ngày 14/08/2015

Họ và tên: LÊ THỊ NỘI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 10/07/1955

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 010184395

Ngày cấp: 15/01/2004

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 121 Linh Quang, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 121 Linh Quang, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang